

Phần thứ hai. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU

Chương V. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Giới thiệu chung về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án: Trang bị công cụ dụng cụ, biển bảng Trụ sở Chi nhánh KCN Trảng Bàng
- Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh KCN Trảng Bàng
- Nguồn vốn: Hạch toán chi phí tại Chi nhánh KCN Trảng Bàng
- Quyết định đầu tư: Quyết định số 1212/QĐ-TGD-NHCT-MSTS2 ký ngày 19/05/2025.
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Quyết định số 134/QĐ-CNKCNTB ngày 05/09/2025.

b) Địa điểm:

- Vị trí: Phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh
- Hiện trạng mặt bằng: Dự án nằm ở KCN Trảng Bàng, khu vực này có mặt bằng rộng, địa hình tương đối bằng phẳng, với nhiều tòa nhà cao tầng, văn phòng và nhà máy, xí nghiệp.
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm:
 - + Giao thông: Khu vực dự án có hệ thống giao thông thuận tiện, gần các tuyến đường chính. Giao thông đường bộ được đảm bảo và kết nối tốt với các khu vực lân cận.
 - + Hệ thống cung cấp điện, cấp thoát nước đã được xây dựng đầy đủ, đồng bộ.

c) Quy mô công trình: Trang bị nội thất các phòng làm việc, trang bị hệ thống biển bảng trong và ngoài nhà.

2. Giới thiệu chung về gói thầu

a) Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng hoàn thiện, trang bị nội thất các phòng làm việc, trang bị hệ thống biển bảng trong và ngoài nhà.

b) Thời hạn hoàn thành : tối đa 60 ngày kể từ ngày HĐ có hiệu lực.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

1. Yêu cầu về tiến độ chung của dự án: tối đa 60 ngày kể từ ngày HĐ có hiệu lực.

2. Yêu cầu tiến độ của gói thầu và các mốc tiến độ

Tiến độ thực hiện gói thầu: tối đa 60 ngày kể từ ngày HĐ có hiệu lực.

III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật

Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng trình tự các yêu cầu kỹ thuật đã được chỉ ra trong các bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt và theo các tiêu chuẩn, quy phạm thi công và nghiệm thu hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Các yêu cầu về vật tư, về kỹ thuật không thể hiện trong hồ sơ thiết kế được phê duyệt thì thực hiện theo các tiêu chuẩn hiện hành và theo chỉ định của đơn vị thiết kế.

Các chỉ dẫn, trình tự thủ tục thi công và nghiệm thu đều phải tuân thủ theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

1.1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu

1. Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021
2. Kết cấu BT và BTCT toàn khối. Qui phạm thi công - nghiệm thu.	TCVN 4453:1995
3. Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4. Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361-2012
5. Công tác đất-Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
6. Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
7. Xi măng Poocăng	TCVN 2682:2020
8. Xi măng Poocăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
9. Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
10. Vữa xây dựng-Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2022
11. Cửa sổ và cửa đi. Phương pháp thử	TCVN 7452:2021
12. Tấm thạch cao - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8256:2022
13. Nhôm hợp kim dùng trong xây dựng-Tiêu chuẩn kỹ thuật & phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm	TCXDVN 330:2004

14. Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp	TCVN 7364-2018
15. Kính xây dựng – Kính phẳng tôi nhiệt	TCVN 7455:2013
16. Cửa đi, cửa sổ	TCVN 9366:2012
17. Đồ gỗ nội thất	TCVN 5373:2020
18. Công tác hoàn thiện trong xây dựng-Thi công và nghiệm thu.	TCVN 9377-2012
19. Hoàn thiện mặt bằng xây dựng-quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4516:1988
20. Quy phạm trang bị điện	11-TCN-18,19,20,21-2006
21. Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình dân dụng	TCVN 9207:2012
22. Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong – Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5639-1991
23. Quy chuẩn kỹ thuật điện hạ áp	QCVN QTD-8: 2010/BCT
24. Thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị	TCVN 6615:2009
25. Các tủ điện hạ thế và tủ điện điều khiển	IEC 60439-1
26. Các thanh cái và đầu nối thanh cái trong tủ điện	IEC 60364
27. Cầu dao tự động loại MCCB	IEC 60947-1
28. Cơ cấu đóng ngắt và điều khiển hạ áp - Phần 2 Aptômát	IEC 60947-2
29. Cấp độ bảo vệ của vỏ tủ	IEC 60529
30. Thử nghiệm hồ quang do ngắn mạch	IEC 61641
31. Rơ le bảo vệ	IEC 60255
32. Các thiết bị chỉ thị hoạt động	IEC 60473
33. Dây dẫn của cáp cách điện	IEC- 60228
34. Ống và phụ kiện cho việc lắp đặt điện	BS4607 and BS31 & BS731
35. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD
36. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác liên quan.	

1.2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát

1.2.1. Công trường:

Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm bàn giao mặt bằng và phạm vi công trường cho nhà thầu được chỉ ra trong bản vẽ. Nhà thầu chỉ được phép tiến hành các công tác trong phạm vi chỉ ra đó.

1.2.2. Phạm vi công việc:

1.2.2.1. Phạm vi công việc của nhà thầu:

- Chuẩn bị cơ sở để tập kết thiết bị, phương tiện, nhân lực thi công tại hiện trường công trình.

- Nhà thầu phải tự cung cấp nguyên vật liệu, trang thiết bị, nhiên liệu, dụng cụ, nguồn điện, nước và các điều kiện bảo đảm thi công khác để thực hiện thi công đúng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ và chất lượng.

- Tiến hành thi công xây dựng gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, quy trình, quy phạm kỹ thuật đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn trong quá trình thi công.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị khác tham gia thi công trên công trình để thi công các phần việc liên quan và chuyển tiếp giữa hai đơn vị (nếu có) nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ chung của công trình.

- Nhà thầu phải lập Hồ sơ hoàn công và bảo hành công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

1.2.2.2 Khối lượng công việc: Khối lượng công việc được nêu chi tiết tại Mẫu số 1A thuộc Chương IV của HSMT và bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

1.2.3. Hàng rào:

Nhà thầu phải rào chắn tạm thời khu vực mà nhà thầu đảm nhận thi công. Việc tập kết vật liệu, máy móc ... phục vụ thi công công trình chỉ được phép tập kết phía trong hàng rào hoặc khu vực được Chủ đầu tư cho phép.

1.2.4. Giao thông công cộng:

Tất cả các hoạt động cần thiết cho việc thực hiện công tác của Dự án và thi công các công tác tạm thời, phù hợp với yêu cầu của hợp đồng sẽ phải đảm bảo không làm cản trở một cách không đúng hoặc không cần thiết tới giao thông công cộng trong khu vực Chủ đầu tư hoặc bất kỳ bên nào khác quản lý. Nhà thầu sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi có khiếu nại, yêu cầu, kiện cáo, thiệt hại, chi phí phát sinh ngoài hoặc có liên quan đến việc này.

1.2.5. Đường vào công trình:

Nhà thầu phải chỉ ra được đường vào ra công trình để Chủ đầu tư xem xét, chấp nhận. Những người không nhiệm vụ không được phép vào công trình. Cổng ra vào luôn luôn được kiểm soát chặt chẽ.

1.2.6. An ninh công trường:

Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về an ninh công trường và sẽ phải trả mọi chi phí cho công tác này. Nếu thấy cần thiết phải có thêm bảo vệ cho công trình, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu bằng văn bản và Nhà thầu cũng phải trả lại chi phí đó. Nhà thầu phải tuân thủ theo mọi yêu cầu về an ninh của bất cứ chủ sở hữu nào trên đất công trình sẽ được thi công. Chi phí bảo vệ Nhà thầu phải chịu.

1.2.7. Hợp tác tại công trường:

Tất cả mọi công tác được tiến hành theo phương pháp sao cho thuận tiện đi lại cho mọi phương tiện, cho các Nhà thầu, nhân viên của Nhà thầu hoặc của Chủ công trình và bất cứ người nào khác có thể được tuyển dụng vào để thực hiện hoặc vận hành công trình.

1.2.8. Kế hoạch tiến độ công việc:

Nhà thầu sẽ phải lập chương trình làm việc chi tiết dưới dạng biểu đồ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi chương trình này trong quá trình tiến hành hợp đồng. Nhà thầu bất cứ lúc nào cũng phải tiến hành theo chương trình được thông qua mới nhất.

Nhà thầu phải chỉ rõ trong lịch trình rằng các công tác được tiến hành trong giờ hành chính hay ngoài giờ hoặc cần thiết phải làm theo ca để hoàn thành công trình.

Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư báo cáo tuần nêu chi tiết nhân sự, đơn đặt hàng và quá trình gửi máy móc, nguyên vật liệu và thiết bị.

1.2.9. Hạn chế tiếng ồn:

Nhà thầu phải cố gắng hoặc bằng công tác tạm thời hoặc bằng việc sử dụng các máy móc hoặc thiết bị giảm thanh phù hợp để đảm bảo mức độ tiếng ồn do việc tiến hành công tác thi công gây ra không vượt mức cho phép.

1.2.10. Kiểm soát an toàn giao thông:

Tất cả các biện pháp cần thiết cho an toàn giao thông trong khi thi công sẽ được thực hiện bằng việc lắp dựng, bảo dưỡng các rào chắn, biển báo đường, cờ báo, đèn, vv...theo yêu cầu của Chủ đầu tư và tuân theo luật pháp giao thông của địa phương. Rào chắn phải chắc và được sơn với màu dễ nhận. Đèn báo được đặt ở trên rào chắn vào buổi đêm và thấp sáng cho đến khi trời sáng.

1.2.11. Đường và khu vực cần giữ sạch:

Nhà thầu phải chú ý tuyệt đối với các biện pháp phòng ngừa tối đa để đảm bảo tất cả các đường mà Nhà thầu sử dụng hoặc cho mục đích thi công hoặc cho mục đích vận chuyển máy móc, nhân công, vật liệu ...không bị bẩn do quá trình thi công đó gây nên hoặc do việc vận chuyển các vật liệu thừa và trong trường hợp các đường bị bẩn theo ý kiến của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải tiến hành các biện pháp cần thiết và ngay lập tức để dọn với chi phí của Nhà thầu.

1.2.12. Đền bù thiệt hại đối với tài sản:

Nhà thầu phải hoàn trả lại tất cả các tài sản của công hay tư bị thiệt hại do công việc của Nhà thầu gây ra cho đến khi trở lại trạng thái ít nhất là như ban đầu.

Nếu theo ý kiến của Chủ đầu tư, Nhà thầu đã không tiến hành các công tác hợp lý và nhanh chóng để thực hiện nghĩa vụ của mình trong việc hoàn trả thì Chủ đầu tư báo cho Nhà thầu bằng văn bản, và khi đó Chủ đầu tư được quyền tự tiến hành hoàn trả hoặc sắp xếp để đơn vị khác tiến hành hoàn trả hoặc thanh toán cho chủ tài sản về những thiệt hại này.

Việc thanh toán cho nhà thầu sẽ phải trừ đi khoản tiền cho việc hoàn trả trên. Nhà thầu sẽ không được thanh toán riêng cho công việc hoàn trả, mà phải chịu hoàn toàn các phí tổn của việc đó.

1.2.13. Máy móc thi công:

Nhà thầu phải cung cấp, vận hành, duy trì và đưa dời khỏi công trường tất cả các loại máy thi công phù hợp. Nhà thầu không được sử dụng các loại máy móc thiết bị làm hư hại mặt đường.

Tất cả các chi phí liên quan đến việc vận hành, bảo dưỡng, khấu hao và dời chuyển các máy móc thi công phải được tính trong giá dự thầu.

1.2.14. Nhật ký thi công xây dựng công trình:

Nhà thầu phải lập nhật ký thi công xây dựng công trình, ghi chép hàng ngày trong suốt quá trình thi công. Trong nhật ký được ghi đầy đủ nội dung như: diễn biến điều kiện thi công; số lượng nhân công, thiết bị của nhà thầu thi công huy động để thực hiện thi công tại hiện trường; các công việc được nghiệm thu hàng ngày; mô tả các sự cố, hư hỏng, tai nạn... và biện pháp khắc phục; kiến nghị....

1.2.15. Bản vẽ hoàn công:

Nhà thầu phải chuẩn bị các bản vẽ hoàn công đối với các hạng mục công việc đã được hoàn thành. Những bản vẽ này có thể được chuẩn bị từ những bản vẽ thi công kết hợp với những thay đổi được phép đã được thực hiện trong quá trình thi công, trên cơ sở đúng hiện trạng thi công.

1.2.16. Báo cáo tiến độ:

Trước ngày 10 hàng tháng, Nhà thầu phải nộp bản báo cáo tiến độ theo mẫu cho Chủ đầu tư, chi tiết tiến độ công việc đã được hoàn thành trong tháng trước. Báo cáo sẽ bao gồm nội dung sau:

Mô tả chung các công việc đã được thực hiện trong suốt thời gian làm báo cáo và những vấn đề đáng chú ý đã gặp phải.

Số phần trăm của hạng mục công việc chính đã hoàn thành so với biểu đồ tiến độ tính đến cuối giai đoạn báo cáo, giải trình sự khác biệt giữa tiến độ thực hiện và biểu đồ.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm các hạng mục công việc chính đã hoàn thành so với biểu đồ tiến độ thi công trong tháng với những giải trình phù hợp sự khác biệt giữa tiến độ thực hiện và biểu đồ tiến độ, biện pháp khắc phục.

Danh sách nhân công được sử dụng thực hiện công việc đó.

Bản kiểm kê tổng số các loại vật liệu xây dựng chủ yếu đã dùng trong thời gian làm báo cáo, số lượng vật liệu đã chuyển đến công trình và số còn lại tính đến thời điểm báo cáo.

Bản kiểm kê các thiết bị máy móc, thực trạng của chúng, thời gian để phục hồi lại hoạt động nếu chúng phải sửa chữa.

Mô tả chung về thời tiết, lượng mưa và nhiệt độ mỗi ngày.

Báo cáo về hiệu quả việc thực hiện chương trình an toàn và danh sách các tai nạn phải đi bệnh viện hay gây tử vong đối với bất cứ ai. Một danh sách các tai nạn mà trong đó thiết bị bị phá hỏng một phần hoặc phá hỏng toàn bộ và bất cứ vụ cháy nào xảy ra.

Một báo cáo về hiệu quả của việc bảo vệ công trường và danh sách các vật tư, thiết bị bị mất.

Một danh sách các yêu cầu của Nhà thầu: số lượng yêu cầu và thời gian yêu cầu trong thời gian làm báo cáo.

1.2.17. Lịch công tác tuần:

Vào mỗi ngày thứ 6 hàng tuần, nhà thầu phải nộp kế hoạch thi công hàng tuần đối với các công việc sẽ được triển khai trong tuần kế tiếp. Kế hoạch thi công được làm theo mẫu được phê duyệt của Chủ đầu tư và phải kèm theo thuyết minh để đánh giá các hạng mục công việc chủ yếu thực hiện trong tuần đó.

1.2.18. Họp tiến độ:

Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tổ chức họp một tuần một lần do hai bên thoả thuận về thời gian. Mục đích của cuộc họp này là để thảo luận về tiến độ đạt được, công việc đề ra cho tuần tiếp đó và những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động hiện tại.

1.2.19. Mốc chuẩn:

Nhà thầu sẽ lập ra, xây dựng và bảo vệ mốc chuẩn cần thiết trong suốt quá trình thi công và các mốc chuẩn đó sẽ được kiểm tra định kỳ hoặc bất cứ lúc nào nếu có yêu cầu. Khi hoàn tất công trình, các mốc chuẩn sẽ được để lại làm mốc lâu dài.

Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thiết bị đo đạc, địa hình, thước đo và các vật liệu cần thiết khác để phục vụ cho mục đích sử dụng của riêng Chủ đầu tư trong việc kiểm tra và làm rõ các toạ độ và cao độ.

1.2.20. Kiểm tra thiết bị và nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị do Nhà thầu mua được hoàn trả theo hợp đồng sẽ phải được kiểm tra, xem xét và thử nghiệm vào bất cứ lúc nào và trong bất cứ tình trạng nào cả trong và ngoài hiện trường. Chỉ những nguyên vật liệu được xác định dành để thực hiện dự án và đã được Chủ đầu tư thông qua mới được đưa đến thực địa và khi không được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được di chuyển từng bộ phận hoặc cả máy móc ở đó.

1.2.21. Dự trữ vật liệu:

Yêu cầu Nhà thầu phải luôn luôn dự trữ vật liệu và máy móc xây dựng đủ cho các hoạt động thi công của Nhà thầu. Việc Nhà thầu không dự trữ được vật liệu được coi là rủi ro của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ không xem xét bất kỳ khiếu nại hoặc yêu cầu nào đối với việc kéo dài thêm thời gian do những khó khăn của việc mua vật liệu hoặc thiết bị ngoài khả năng của Nhà thầu.

1.2.22. Hoàn trả lại những bề mặt bị hư hỏng trong quá trình thi công:

Nhà thầu phải giới hạn công tác trong phạm vi chỉ ra trong bản vẽ. Nhà thầu phải hoàn trả lại bề mặt đường bị hư hỏng, kể cả khu vực bên ngoài phạm vi thi công đã được chỉ định bị hư hại do các hoạt động của Nhà thầu theo đúng hiện trạng ban đầu với chi phí của Nhà thầu.

Việc thanh toán cho phần hoàn trả lại các bề mặt bị hư hỏng nằm trong phạm vi khu vực làm việc sẽ được trả cho Nhà thầu nếu được Chủ đầu tư chấp thuận theo các khoản chi phí tương ứng trong bảng giá dự thầu.

1.2.23. Thoát nước và vệ sinh:

Nhà thầu sẽ phải cung cấp, duy trì và dỡ bỏ hệ thống và các thiết bị thoát nước và vệ sinh cho người lao động của Nhà thầu trên công trường. Nhà thầu đề xuất kế hoạch và kế hoạch đó phải được Chủ đầu tư phê duyệt. Các thiết bị cho rác thải và vệ sinh phải được duy trì sạch sẽ theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu không được thanh toán riêng cho phần này mà sẽ được thanh toán trong bảng giá dự thầu.

1.3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, hàng hóa, thiết bị

1.3.1. Các tiêu chuẩn về phương pháp thử

1	Cát, sỏi, đá dăm dùng trong xây dựng- Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570-2006
2	Bê tông và vữa xây dựng - Phương pháp xác định pH	TCVN 9339:2012
3	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 :2012
4	Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần BT sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012
5	Xi măng - Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009
6	Xi măng Pooc lăng- Phương pháp phân tích hóa học	TCVN 141:2023
7	Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn	TCVN 13605:2023
8	Xi măng - Phương pháp xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005

9	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định cường độ	TCVN 6016:2011
10	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định thời gian đông kết và ổn định	TCVN 8875:2012
11	Xi măng Pooc Lăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012
12	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp.	TCVN 6260:2020
13	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử.	TCVN 7572:2006
14	Vữa xây dựng – Phương pháp thử	TCVN 3121:2022
15	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất - Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) - Phần 1: Quy định chung	TCVN 8491-1:2011
16	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất - Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) - Phần 2: Ống	TCVN 8491-2:2011
17	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất - Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) - Phần 3: Phụ tùng	TCVN 8491-3:2011
18	Thép các bon cán nóng dùng cho xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709:2009
19	Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu mạ kẽm và hợp kim kẽm – sắt nhúng nóng liên tục	TCVN 6525:2018
20	Vật liệu kim loại – Thử kéo - Phần I – Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014
21	Kim loại - Phương pháp thử uốn	TCVN 198:2008
22	Thử không phá hủy mối hàn – Thử siêu âm – Kỹ thuật, mức thử nghiệm và đánh giá	TCVN 6735:2018
23	Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp - Phương pháp thử	TCVN 3909:2000
24	Các tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan	

1.3.2. Yêu cầu về chủng loại vật tư, vật liệu, thiết bị

Số TT	Tên vật liệu và qui cách	Đặc điểm, tiêu chuẩn và các thông số kỹ thuật chính
1.	Xi măng	Chủng loại, thông số kỹ thuật đáp ứng hồ sơ thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. (Xi măng Hoàng

		Thạch hoặc Fico hoặc tương đương).
2.	Gạch xây	Chủng loại, thông số kỹ thuật đáp ứng hồ sơ thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
3.	Cốt thép	Chủng loại, thông số kỹ thuật đáp ứng hồ sơ thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. (Thép Việt Mỹ hoặc thép Hòa Phát hoặc tương đương)
4.	Thép hộp các loại (đối với Boot ATM)	Thép hộp mạ kẽm kích thước: 60x120x2,0 mm; 60x60x1,4 mm; 30x30x1,4 mm; 20x20x2,0 mm. Thông số kỹ thuật khác tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Thép Hòa Phát hoặc tương đương)
5.	Đá lát sàn ATM	Chủng loại, thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Đá trắng Ý nhân tạo hoặc tương đương)
6.	Kính cường lực	Thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Kính Hải Long hoặc tương đương)
7.	Tôn lợp mái	Tôn múi mạ kẽm, chiều dày tối thiểu 0,5mm. Thông số kỹ thuật khác tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Tôn Hoa Sen hoặc tương đương)
8.	Bột bả	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Bột bả Joton hoặc Dulux hoặc tương đương)
9.	Sơn lót nội, ngoại thất	Là loại sơn lót chống kiềm nội, ngoại thất. Đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Sơn Jymec hoặc tương đương)
10.	Sơn phủ nội thất	Đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Sơn nội thất siêu trắng Jymec hoặc tương đương)
11.	Sơn phủ ngoại thất	Đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Sơn Dulux WeatherShield bề mặt mờ hoặc tương đương)
12.	Tấm thạch cao	Tấm thạch cao chống cháy dày 12mm. Đặc tính, thông số kỹ thuật khác tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Tấm thạch cao chống cháy Vĩnh Tường hoặc tương đương)

13.	Aptomat	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Panasonic hoặc Sino hoặc tương đương)
14.	Công tắc, ổ cắm	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Panasonic hoặc tương đương)
15.	Dây điện	Thông số, đặc tính kỹ thuật của dây điện, cáp điện tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Cadisun hoặc Cadivi hoặc tương đương)
16.	Đèn trang trí	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Sino, Kingled hoặc tương đương)
17.	Khởi động từ	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (SMC-18 hãng Sino hoặc tương đương)
18.	Timer – Đồng hồ hẹn giờ	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (TB118 hãng Panasonic hoặc tương đương)
19.	Tủ điện	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Tủ điện Sino hoặc tương đương)
20.	Quạt thông gió	Quạt thông gió gắn tường 2 chiều. Đặc tính, thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Quạt thông gió Sino - SSB20AS hoặc tương đương)
21.	Ống nhựa PVC	Chủng loại, đặc tính thông số kỹ thuật tuân thủ hồ sơ thiết kế. (Tiền Phong hoặc Bình Minh hoặc tương đương)
22.	Điều hòa không khí	Điều hòa 1 chiều 9000 BTU. Thông số kỹ thuật khác tuân thủ hồ sơ thiết kế (Daikin: FTKB25ZVMV - 1HP hoặc tương đương).

1.3.3. Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

Hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Biển chính mặt tiền	* Mô tả chung: Kích thước: 10000x2000 (m). Gia công, lắp đặt theo thiết kế. Khung sắt/kẽm, lòng máng gắn đèn Led. * Hàng hóa thành phần bao gồm: - Đèn Led: Sử dụng Led modul 3 bóng, độ sáng 90lm/module). - Bạt 3M/Avery in UV (Lớp bạt nền ngoài trời xuyên sáng). Lớp màng cán 3M/Avery chống tia UV bảo vệ mực in. Tạo lỗ thông hơi/quạt thông gió. - Hệ thống cấp điện bao gồm: + 01 Aptomat 1 pha 32A. + 25md Cáp điện 1x4 (mm2) kéo từ nguồn điện tổng của tòa nhà đến tủ điện cấp nguồn cho biển chính mặt tiền; + 02 tủ điện kích thước 400x600 (mm), mỗi tủ bao gồm: 01 aptomat 1 pha 15A, 01 khởi động từ, 01 timer, 04 bộ nguồn adaptor 12V, 30md dây điện 1x2.5 (mm2) đấu với đèn Led trong biển chính mặt tiền (1800 module). - Hệ thống khung sắt bao gồm: V35x35x3 (mm) mạ kẽm sơn tĩnh điện màu trắng/xám hàn liên kết gắn biển hàn kết cấu với tường và mặt aluminium bằng bản mã 120x120x8 (mm) và 150x150x10 (mm), nở I-nox M10.
2	Logo 3D mặt tiền	* Mô tả chung: Kích thước: 16000x4000 (mm). Gia công, lắp đặt theo thiết kế. Vỏ hộp chữ 3D: Thép mạ, sơn ngoài trời (có phủ). Đáy chữ bằng Aluminium màu trắng ngoài trời 3mm. * Hàng hóa thành phần bao gồm: - Bề mặt gồm 3 lớp: + Lớp 1: 3M Dual Color Film - theo màu NDTH + Lớp 2: bạt 3M (không gân) Panagraphics III + Lớp 3: 3M Diuser Film 3635-30 White - Kết cấu khung giá đỡ theo thiết kế. - Led Module 3/4 Chip White (samsung 2835 hoặc tương đương). - Hệ thống cấp điện bao gồm: + 01 Aptomat 1 pha 32A và 20md Cáp điện 1x6 (mm2) kéo từ nguồn điện tổng của tòa nhà đến tủ điện cấp nguồn cho logo 3D; + 02 tủ điện kích thước 400x600 (mm), tủ bao gồm:

		01 aptomat 1 pha 15A, 01 khởi động từ, 01 timer, 05 bộ nguồn adaptor 12V, 30md dây điện 1x2.5 (mm2) đấu với đèn Led trong Logo 3D (2240 module)
3	Logo 3D mặt hông	* Mô tả chung: Kích thước: 10000x2500 (mm). Gia công, lắp đặt theo thiết kế. Vỏ hộp chữ 3D: Thép mạ, sơn ngoài trời (có phủ). Đáy chữ bằng Aluminium màu trắng ngoài trời 3mm. * Hàng hóa thành phần bao gồm: - Bề mặt gồm 3 lớp: + Lớp 1: 3M Dual Color Film - theo màu NDTH + Lớp 2: bạt 3M (không gân) Panagraphics III + Lớp 3: 3M Diuser Film 3635-30 White - Kết cấu khung giá đỡ theo thiết kế. - Led Module 3/4 Chip White (samsung 2835 hoặc tương đương) - Hệ thống cấp điện bao gồm: + 01 Aptomat 1 pha 32A và 15md Cáp điện 1x6 (mm2) kéo từ nguồn điện tổng của tòa nhà đến tủ điện cấp nguồn cho logo 3D; + 01 tủ điện kích thước 400x600 (mm), mỗi tủ bao gồm: 01 aptomat 1 pha 15A, 01 khởi động từ, 01 timer, 05 bộ nguồn adaptor 12V, 30md dây điện 1x2.5 (mm2) đấu với đèn Led trong Logo 3D (870 module)
4	Cổng chào 3D	Khung sắt hộp mạ kẽm 25x25x1,4 (mm) hàn kết cấu dựng hộp giá đỡ; ốp pima ngoại thất 15mm, sơn kết cấu vật liệu ngoại thất theo màu thương hiệu; hoàn thiện tạo khối 3D vát chéo 2 thành phần 45 độ.
5	Hộp đèn tường rào	Kích thước: 1200x1500x80 (mm). Khung nhôm dày 80mm nhét ron, căng bạt 3M không gân in UV nội dung SPDV QC theo thương hiệu VTB, đèn led âm chiếu sáng ban đêm (cụm modul 3 bóng chip led samsung 2835 hoặc tương đương); Hệ thống điện cấp nguồn tự động (nguồn 12V) bao gồm: aptomat, khởi động từ và timer tự động, thi công gắn âm cột bê tông hàng rào hiện hữu.
6	Biển pháp lý	Kích thước: 600x420 (mm). Chất liệu mica trong 8mm, nội dung in UV ngược theo thiết kế.
7	Biển giờ giao dịch	KT 460x200 (mm). Chất liệu mica 2 lớp. Bên ngoài là mica trong 3mm. Lớp giữa nội dung in UV trên decal trong có keo cán ngược mặt sau. Lớp hậu là mica sữa 3mm. Cán keo chuyên dụng với cột tường mặt tiền.

8	Ruy băng cửa kính ra vào	H 1400-1600 (mm). Decal mờ dán kính (giả phun cát). Khoảng cách giữa các dải 30m. Phần decal mờ in KTS chất lượng cao mà logo VietinBank theo NDTH cao 200m và trải rộng theo phạm vi cửa kính và vách kính cố định.
9	Decal lưới dán kính	Decal lưới in KTS nội dung quảng cáo SPDV theo thiết kế, cán phía ngoài bề mặt kính.
10	Backdrop - Sảnh giao dịch	Pima ngoại thất 15mm cnc R400 ghép mí, sơn bả ngoại thất màu xanh thương hiệu, sơn 3 lớp, bả che vệt nổi, khung sắt hộp mã kẽm 25x25x1,4 (mm) hàn kết cấu, liên kết với sàn/tường bằng mối hàn cố định khung.
11	Logo backdrop – Sảnh giao dịch	Kích thước: 2400x836 (mm). Chữ hộp 3D đáy thành chữ Logo dạng khuôn lồng máng, mặt chữ bằng Mica trong 5mm, decal trong 3M in KTS ngược dán mặt sau màu NDTH cắt cnc, phần chân chữ uốn bằng Inox xước 304 dày 3mm. Dòng slogan bằng mica trong 5mm, decal trong 3mm in KTS ngược dán mặt sau.
12	Biển phân khu thả trần - Sảnh giao dịch	Kích thước: 1400x250 (mm) cnc R100. Chất liệu Mica 3 lớp. Bên ngoài là mica trong 3mm. Lớp giữa nội dung in UV decal sữa có keo cán ngược bồi pima ngoại thất 10mm dựng hộp 2 lớp kết hợp khe đèn led chiếu sáng nẹp U trắng. Xích treo thả trần luôn ống inox D16mm.
13	Biển phi quảng cáo - Sảnh giao dịch	Kích thước: 500x700 (mm). Khung treo bằng mica trong 2 lớp, liên kết bằng 4 vít inox L20 - D15 chân kính, nội dung in KTS trên decal trong có keo cán ngược kẹp giữa 2 lớp Mica trong 5mm và hậu mica trong 5mm mài vát cạnh.
14	Bộ Logo gắn tủ quầy giao dịch - Sảnh giao dịch	D260mm. Logo inox xước 304 màu ghi. Số thứ tự bằng mica trong 5mm in KTS decal trong 3M dán ngược mặt sau.
15	Bộ Logo gắn tủ quầy giao dịch VIP - Sảnh giao dịch	D260mm. Logo inox xước 304 màu ghi. Số thứ tự bằng màu bằng inox xước 304 màu vàng đồng 5mm.
16	Decal dán Iso bàn quầy - Sảnh giao dịch	D 95mm. Bộ iso in KTS decal nhựa xén thành phẩm theo thiết kế.
17	Biển tên phòng – Phòng Phó Giám đốc	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
18	Logo 3D – Phòng Phó Giám đốc	Kích thước: 2400x836 (mm). Chữ hộp 3D inox bóng 304 màu vàng gương, hông chữ cao 3cm. Dòng slogan cao 1cm.

19	Vách kính khung nhôm – Phòng Phó Giám đốc	Kính cường lực 10mm màu trắng, mài xiết cạnh, góc bo tròn, hệ khung nhôm 55 màu xám, chia đồ theo thiết kế; kết hợp cửa kính cường lực 10mm.
20	Phụ kiện cửa kính – Phòng Phó Giám đốc	Phụ kiện hoàn thiện bao gồm: bản lề, tay nắm inox 304, nẹp cửa, ray trượt, theo thiết kế.
21	Vách thạch cao – Phòng Phó Giám đốc	Khung xương hộp, ốp vách cách âm, tấm thạch cao chống cháy, sơn bả nội thất màu trắng mịn.
22	Logo Premium – Phòng VIP và Pantry	Kích thước: 1394x506 (mm). Chữ hộp 3D inox xước 304 màu vàng hồng, hông chữ cao 3cm.
23	Vách kính khung nhôm – Phòng VIP và Pantry	Kính cường lực 10mm màu trắng, mài xiết cạnh, góc bo tròn, hệ khung nhôm 55 màu xám, chia đồ theo thiết kế; kết hợp cửa kính cường lực 10mm.
24	Phụ kiện cửa kính – Phòng VIP và Pantry	Phụ kiện hoàn thiện bao gồm: bản lề, tay nắm inox 304, nẹp cửa, ray trượt, theo thiết kế.
25	Vách thạch cao – Phòng VIP và Pantry	Khung xương hộp, ốp vách cách âm, tấm thạch cao chống cháy, sơn bả nội thất màu trắng mịn.
26	Bàn giao dịch viên B1 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1400x925x780 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, viền inox xước 304 màu bạc H20mm, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện hoàn thiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau, ổ khóa). Mặt bàn đá nhân tạo màu trắng 15mm. Kính Temper 10mm R100 mài xiết cạnh.
27	Bàn giao dịch viên TB01 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1400x925x780 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin sơn dầu hệ Alkyd thân thiện với môi trường phủ kết cấu vật liệu ngoại thất 10-12m ² /lít/lớp theo màu thương hiệu, viền inox xước 304 màu bạc H20mm, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện hoàn thiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau, ổ khóa). Mặt bàn đá nhân tạo màu trắng 15mm. Kính Temper 10mm R100 mài xiết cạnh.
28	Vách ngăn kính (Block GDV) – Sảnh giao dịch	Kích thước: 700x800mm. Kính Temper 10mm sơn kín toàn bộ màu thương hiệu, R50.

29	Tủ quầy giao dịch CA01A – Sảnh giao dịch	Kích thước: 500x950x1280 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, viền inox xước 304 màu bạc H20mm, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước, ổ khóa). Mặt bàn đá solid surface màu trắng 12mm R100.
30	Bàn giao dịch viên TB1.1 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 791x925x780 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, viền inox xước 304 màu bạc H20mm. Mặt bàn đá nhân tạo màu trắng 15mm. Kính Temper 10mm R100 mài xiết cạnh.
31	Bàn đếm tiền – Sảnh giao dịch	Kích thước: 2400x900x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, chân bàn inox 304 20x40 (mm).
32	Tủ rác CA02 (thao tác in ấn) – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1100x400x850 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 701 D, ngăn chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước, ổ khóa).
33	Bàn kiểm soát viên TB02 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1400x780x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A. Mặt bàn đá nhân tạo màu trắng 15mm, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau, ổ khóa).
34	Bàn tư vấn T03 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1600x1700x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R100 & R450, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A R600, yếm bàn phủ thép 3mm sơn tĩnh điện màu trắng CNC phi 20mm. Mặt bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 701 D có nắp luôn dây điện. Hộc tủ 400x500x540 (mm), ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau, ổ khóa).
35	Vách ngăn bàn tư vấn PN01 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1300x45x1200 (mm). Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R200, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 701 D, mặt hông phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, vít định vị sàn, chân đệm cao su.

36	Quầy lễ tân (cong) – Sảnh giao dịch	Kích thước: 2400x568x1100 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, chân cốt MDF bọc nhôm xước 2mm. Chia đợt để đồ theo thiết kế. Mặt bàn đá nhân tạo màu trắng 15mm. Hộc tủ rời 450x400x550 (mm).
37	Bàn văn thư (kèm vách gỗ) – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1650x1900x900mm. Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 701 D. Mặt bàn gỗ MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A. Hộc ngăn tủ đồ 450x600x750mm, phụ kiện hoàn thiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau, ổ khóa); Vách gỗ bo cong R450 kèm cửa.
38	Bàn trưng tác TB05 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 2400x900x900 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 701 D. Mặt bàn ghép tấm dày 40mm R50 mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A. Khay đựng tờ rơi hoàn thiện 1200x70x160 (mm), bao gồm 04 mặt ổ cắm điện.
39	Tủ CA04 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1200x400x850 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 701 D, ngăn chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước, ổ khóa).
40	Tủ bồn cây CA08 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1820x400x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 701 D, mặt hông phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A. Hộc chứa bồn cây hoàn thiện (không bao gồm cây và chậu)
41	Tủ trưng bày quà tặng CA07 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 2400x400x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, chia ngăn theo thiết kế; mặt sau hoàn thiện nẹp inox 40mm.
42	Vách ngăn quầy kho quỹ – Sảnh giao dịch	H 1300mm. Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101T, bao gồm cửa bật, chốt trong.
43	Vách ngăn quầy giao dịch – Sảnh giao dịch	H 1300mm. Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101T, bao gồm cửa bật, chốt trong.
44	Vách ngăn quầy giao dịch và quầy kho quỹ – Sảnh giao dịch	H 1300mm. Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101T, bao gồm cửa bật, chốt trong.

45	Cửa quầy giao dịch – Sảnh giao dịch	Kích thước: 900x1300x80 (mm). Khung cửa gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101T. Phụ kiện ke, bản lề cánh bướm, bánh xe lắp đặt hoàn thiện.
46	Khóa vân tay – Sảnh giao dịch	Khóa cửa thông minh cao cấp, vân tay, thẻ từ, mặt khẩu, điều khiển từ xa, sử dụng pin AAA DC9V.
47	Vách nan gỗ khu kho quỹ– Sảnh giao dịch	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamine 0,3mm phối màu theo thiết kế, nan 20x10.
48	Ốp cột tầng 1 – Sảnh giao dịch	Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101T, trang trí ron 10mm.
49	Kệ nhỏ SH01 – Sảnh giao dịch	Kích thước: 500x150x600 (mm). Khung kệ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R20, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A. 02 Khay mica 700kg/cm2 trong 3mm 464x150 (mm).
50	Ghế chờ WB01 (03 chỗ) – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1890x630x770 (mm). Khung sắt sơn tĩnh điện, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D40, bọc phủ nỉ (vải sợi) xanh cao cấp BL 3228G.
51	Ghế chờ WB01 (02 chỗ) – Sảnh giao dịch	Kích thước: 1390x630x770 (mm). Khung sắt sơn tĩnh điện, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D40, bọc phủ nỉ (vải sợi) xanh cao cấp BL 3228G.
52	Ghế tương tác – Sảnh giao dịch	Kích thước: 385x405x830-1000 (mm). Ghế quầy bar khung thép cao cấp, đệm nhựa khung nhựa chắc chắn, có lớp đệm PVC
53	Ghế GDV – Sảnh giao dịch	Thân ghế nhựa nylon + pp bọc lưới, tựa đầu nâng hạ bọc lưới, bỏ tay, nệm ngồi plywood 12mm + mút đúc + vải, chân nhựa R330 trắng bánh xe D60mm.
54	Ghế khách giao dịch – Sảnh giao dịch	Kích thước: 500x560x830 (mm). Mặt ghế nhựa polypropylene đúc nguyên khối có thể tái chế. Mặt ghế polypropylene có nệm phía trước, bọc vải, simili. Khung ghế sắt sơn tĩnh điện
55	Rèm cửa – Sảnh giao dịch	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
56	Bàn phó giám đốc T1 chữ L - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 1800x900x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, yếm bàn Laminate LK 705D, ngăn chia theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau).
57	Tủ phó giám đốc T1 - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 995x400x3900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).

58	Tủ phó giám đốc T1 - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 2000x400x3900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước), kèm vách treo tranh (không bao gồm tranh).
59	Tủ bàn trà - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 1200x600x450 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV. Mặt bàn đá Marble vân mây 15mm R100.
60	Sofa 3 chỗ - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 2260x800x700 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm, bọc phủ nỉ giả da cao cấp.
61	Sofa 1 chỗ - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 900x800x700 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm, bọc phủ nỉ giả da cao cấp.
62	Ghế phó giám đốc - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 715x680x1230 (mm). Lưng đệm da màu da bò, chân xoay inox.
63	Ghế trình kí - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 950x685x980 (mm). Ghế the one hoặc tương đương, đệm mút dày bọc da, khung ghế bằng ống thép mạ cao cấp, bên dưới có các đệm nhựa, tay vịn liên khung bên trên ốp nhựa.
64	Rèm cửa - Phòng Phó giám đốc	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
65	Bàn tiếp khách -TB07 – Phòng KHƯT	Kích thước: 1600x760x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R350 & R220, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4535 A, chân trụ D160 sơn màu đen, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau).
66	Kệ trưng bày – Phòng KHƯT	Kích thước: 1200x300x765 (mm). Khung kệ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4535 A, ngăn chia khay theo thiết kế 45 độ, chân sắt tròn đặc D=14mm.
67	Sofa đơn – Phòng KHƯT	Kích thước: 840x800x840 (mm). Lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D400, bọc phủ vải giả da cao cấp, chân thép sơn tĩnh điện
68	Đôn tròn – Phòng KHƯT	D400. Chân mạ, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D400, bọc phủ simili.
69	Bàn tiếp khách -TB06 – Phòng KHƯT	D500. Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R250 sơn mờ màu đen, chân trụ tròn D350.

70	Backdrop phòng KHU'T – Phòng KHU'T	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, bọc vải nhung mã màu chỉ định, gia công liên kết với sàn và tường bằng đinh vít và keo chuyên dụng.
71	Vách gỗ – Phòng KHU'T	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
72	Ghế trường phòng – Phòng KHU'T	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
73	Rèm cửa – Phòng KHU'T	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
74	Thảm trải sàn – Phòng KHU'T	Cung cấp, lắp đặt thảm tấm PTW197305 Blue Pavement 500x500 (mm) nhập khẩu, đế cao su.
75	Nẹp kết thúc thảm sàn – Phòng KHU'T	Nẹp nhôm chống trơn L41x8 (mm), loại chuyên dụng cho thảm.
76	Tủ Locker LO01 – Phòng Pantry	Kích thước: 2240x400x2400mm. Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A phối LK 705D, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
77	Khóa vân tay – Phòng Pantry	Khóa cửa tủ đồ cá nhân, khóa vân tay thông minh.
78	Tủ bếp PA01 (Hệ tủ bếp dưới) – Phòng Pantry	Kích thước: 2372x600x850 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A. Mặt bàn đá nhân tạo màu trắng 15m, cửa mở chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước) (không bao gồm bồn rửa).
79	Bồn rửa bát kèm vòi rửa inox đơn – Phòng Pantry	Kích thước: 600x450 (mm). Inox304, lắp đặt hoàn thiện.
80	Tủ bếp PA01 (Hệ tủ bếp trên) – Phòng Pantry	Kích thước: 2372x600x950 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
81	Tủ bếp PA01 (Hệ tủ bếp đứng) – Phòng Pantry	Kích thước: 718x600x2400 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, cửa mở chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).

82	Bàn ăn tròn – Phòng Pantry	D700. Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài sơn 2K màu trắng, chân trụ sắt sơn tĩnh điện D500.
83	Ghế ăn chân gỗ – Phòng Pantry	Kích thước: 460x495x820 (mm). Ghế nhựa lót nệm, chân gỗ tự nhiên.
84	Biển tên phòng - Phòng Tổ chức	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
85	Biển tên phòng – Phòng Giám đốc	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
86	Logo 3D – Phòng Giám đốc	Kích thước: 2400x836 (mm). Chữ hộp 3D inox bóng 304 màu vàng gương, hông chữ cao 3cm. Dòng slogan cao 1cm.
87	Biển tên phòng – Phòng họp	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
88	Vách kính – Phòng họp	Kính cường lực 10mm, sơn/in/dán decal ngược mặt sau đúng màu xanh thương hiệu (đảm bảo độ bám dính và độ bền trên 3 năm), khung sắt hộp mã kẽm 25x25x1,4 (mm) hàn kết cấu, liên kết với sàn/tường bằng mối hàn cố định khung.
89	Logo – Phòng họp	Kích thước: 2000x701 (mm). Chữ hộp 3D đáy thành chữ Logo dạng khuôn lồng máng, mặt chữ bằng Mica trong 5mm, decal trong 3M in KTS ngược dán mặt sau màu NDTH cắt cnc, phần chân chữ uốn bằng Inox xước 304 dày 3mm. Dòng slogan bằng mica trong 5mm, decal trong 3mm in KTS ngược dán mặt sau.
90	Bàn nhân viên - Phòng Tổ chức	Kích thước: 1600x1500x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, yếm bàn Melamin trắng cắt CNC R600. Mặt bàn gỗ Melamin, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 900x350x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
91	Bàn trưởng phòng chữ L - Phòng Tổ chức	Kích thước: 1400x750x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 700x400x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.

92	Tủ tài liệu T4 - Phòng Tổ chức	Kích thước: 1550x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
93	Tủ tài liệu T5 - Phòng Tổ chức	Kích thước: 1525x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
94	Tủ tài liệu cao - Phòng Tổ chức	Kích thước: 980x400x2000 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
95	Bàn tiếp khách oval - Phòng Tổ chức	Kích thước: 2040x930x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chân trụ R100 và R250, trang trí inox vàng gương.
96	Bàn tiếp khách -TB06 - Phòng Tổ chức	D500. Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R250 sơn mờ màu đen, chân trụ tròn D350.
97	Sofa đơn - Phòng Tổ chức	Kích thước: 840x800x840 (mm). Lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D400, bọc phủ vải giả da cao cấp, chân thép sơn tĩnh điện
98	Ghế nhân viên - Phòng Tổ chức	Kích thước: 580x550x950 (mm). Ghế lưng lưới cao cấp, khung tựa bọc vải, đệm mút bọc PVC cao cấp màu thương hiệu, chân mạ xoay, có tay vịn.
99	Ghế khách hàng - Phòng Tổ chức	Kích thước: 555x555x910 (mm). Khung tựa bọc vải lưới, đệm mút bọc vải thoáng khí, chân mạ quỳ, có tay vịn, có chế độ ngả ra sau êm ái.
100	Ghế khách giao dịch - Phòng Tổ chức	Kích thước: 500x560x830 (mm). Mặt ghế nhựa polypropylene đúc nguyên khối có thể tái chế. Mặt ghế polypropylene có nệm phía trước, bọc vải, simili. Khung ghế sắt sơn tĩnh điện
101	Ghế trưởng phòng - Phòng Tổ chức	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
102	Rèm cửa - Phòng Tổ chức	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.

103	Bàn nhân viên – Phòng làm việc dự phòng	Kích thước: 1600x1500x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, yếm bàn Melamin trắng cắt CNC R600. Mặt bàn gỗ Melamin, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 900x350x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
104	Bàn trưởng phòng chữ L – Phòng làm việc dự phòng	Kích thước: 1400x750x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 700x400x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
105	Tủ tài liệu T6 – Phòng làm việc dự phòng	Kích thước: 1450x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
106	Tủ tài liệu cao – Phòng làm việc dự phòng	Kích thước: 980x400x2000 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
107	Ghế nhân viên – Phòng làm việc dự phòng	Kích thước: 580x550x950 (mm). Ghế lưng lưới cao cấp, khung tựa bọc vải, đệm mút bọc PVC cao cấp màu thương hiệu, chân mạ xoay, có tay vịn.
108	Ghế khách hàng – Phòng làm việc dự phòng	Kích thước: 555x555x910 (mm). Khung tựa bọc vải lưới, đệm mút bọc vải thoáng khí, chân mạ quý, có tay vịn, có chế độ ngả ra sau êm ái.
109	Ghế trưởng phòng – Phòng làm việc dự phòng	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
110	Rèm cửa – Phòng làm việc dự phòng	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
111	Bàn giám đốc – Phòng Giám đốc	Kích thước: 2600x1600x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, kết hợp hộc ngăn chia theo thiết kế, lắp phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau).

112	Tủ trang trí sau bàn giám đốc – Phòng Giám đốc	Kích thước: 1000x2700x400 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia ngăn theo thiết kế, cửa tủ mở 2 cánh, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
113	Tủ trang trí sau bàn giám đốc – Phòng Giám đốc	Kích thước: 2400x2700x400 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia ngăn theo thiết kế, cửa tủ mở 2 cánh, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước), kèm vách treo tranh vân vân đá (không bao gồm tranh).
114	Tủ trà – Phòng Giám đốc	Kích thước: 2830x600x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia ngăn theo thiết kế, cửa tủ mở 2 cánh, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
115	Led thanh trang trí màu vàng ấm, kèm mica và nẹp U tùy từng vị trí – Phòng Giám đốc	Led thanh trang trí màu vàng ấm, kèm mica và nẹp U tùy từng vị trí.
116	Nguồn Led 12V 100W – Phòng Giám đốc	Nguồn Led 12V 100W.
117	Vách gỗ trực A – Phòng Giám đốc	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
118	Vách gỗ - Phòng giám đốc	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
119	Sofa 3 chỗ – Phòng Giám đốc	Kích thước: 2200x900x800 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm, bọc phủ nỉ giả da cao cấp, chân inox hộp xước.
120	Sofa 1 chỗ – Phòng Giám đốc	Kích thước: 900x900x800 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm, bọc phủ nỉ giả da cao cấp, chân inox hộp xước.
121	Bàn trà – Phòng Giám đốc	Kích thước: 1200x600x450 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV.
122	Ghế giám đốc – Phòng Giám đốc	Kích thước: 690x810x1210 (mm). Lưng đệm da màu da bò, chân xoay inox.

123	Ghế trình kí – Phòng Giám đốc	Kích thước: 950x685x980 (mm). Ghế the one hoặc tương đương, đệm mút dày bọc da, khung ghế bằng ống thép mạ cao cấp, bên dưới có các đệm nhựa, tay vịn liên khung bên trên ốp nhựa.
124	Giường – Phòng Giám đốc	Kích thước: 1880x2010x350 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV (không bao gồm đệm, ga gối).
125	Tủ đầu giường– Phòng Giám đốc	Kích thước: 500x400x450 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài hoàn thiện Melamin 0,3mm MS611 EV, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, ray trượt).
126	Tủ quần áo – Phòng Giám đốc	Kích thước: 1950x600x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài hoàn thiện Melamin 0,3mm MS611 EV, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước), có led trang trí.
127	Sàn gỗ kèm nẹp – Phòng Giám đốc	Sàn vân gỗ công nghiệp 12mm AC 611 RF, vát cạnh V-Groove, hèm khóa uniclic, nẹp nhôm L25 kết thúc sàn.
128	Rèm cửa – Phòng Giám đốc	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
129	Bàn họp dài – Phòng họp nhỏ	Kích thước: 3600x595x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, mặt bàn hoàn thiện khe ổ cắm Melamin ghi chì.
130	Bàn họp đầu hội – Phòng họp nhỏ	Kích thước: 1900x595x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV.
131	Tủ – Phòng họp nhỏ	Kích thước: 1150x270x300 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, hoàn thiện mặt ngoài Melamin 101T, chia ngăn theo thiết kế nẹp inox vàng đồng trang trí đợt tủ, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
132	Vách gỗ trực máy chiếu – Phòng họp nhỏ	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
133	Vách gỗ trực 2/A-B – Phòng họp nhỏ	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
134	Ghế họp – Phòng họp nhỏ	Kích thước: 590x685x980 (mm). Chân mạ quỳ, lưng tựa đệm bọc da PVC, ốp tay nhựa.

135	Rèm cửa – Phòng họp nhỏ	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
136	Chân tường – Phòng họp nhỏ	Chân tường
137	Biển tên phòng - Phòng khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
138	Biển tên phòng – Phòng hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
139	Biển tên phòng – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
140	Logo 3D – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 2400x836 (mm). Chữ hộp 3D inox bóng 304 màu vàng gương, hông chữ cao 3cm. Dòng slogan cao 1cm.
141	Biển tên phòng – Phòng Truyền thống	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
142	Bàn nhân viên – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 1600x1500x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, yếm bàn Melamin trắng cắt CNC R600. Mặt bàn gỗ Melamin, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 900x350x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
143	Bàn trưởng phòng chữ L – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 1400x750x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 700x400x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
144	Tủ tài liệu T4 – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 1550x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
145	Tủ tài liệu T5 – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 1525x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).

146	Tủ tài liệu cao – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 980x400x2000 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
147	Bàn tiếp khách oval – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 2040x930x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chân trụ R100 và R250, trang trí inox vàng gương.
148	Bàn tiếp khách -TB06 – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	D500. Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R250 sơn mờ màu đen, chân trụ tròn D350.
149	Sofa đơn – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 840x800x840 (mm). Lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D400, bọc phủ vải giả da cao cấp, chân thép sơn tĩnh điện
150	Ghế nhân viên – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 580x550x950 (mm). Ghế lưng lưới cao cấp, khung tựa bọc vải, đệm mút bọc PVC cao cấp màu thương hiệu, chân mạ xoay, có tay vịn.
151	Ghế khách hàng – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 555x555x910 (mm). Khung tựa bọc vải lưới, đệm mút bọc vải thoáng khí, chân mạ quỳ, có tay vịn, có chế độ ngả ra sau êm ái.
152	Ghế khách giao dịch – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 500x560x830 (mm). Mặt ghế nhựa polypropylene đúc nguyên khối có thể tái chế. Mặt ghế polypropylene có nệm phía trước, bọc vải, simili. Khung ghế sắt sơn tĩnh điện
153	Ghế trưởng phòng – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
154	Rèm cửa – Phòng Khách hàng doanh nghiệp	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
155	Bàn nhân viên – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 1600x1500x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, yếm bàn Melamin trắng cắt CNC R600. Mặt bàn gỗ Melamin, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 900x350x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.

156	Bàn trưởng phòng chữ L – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 1400x750x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 700x400x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
157	Tủ tài liệu T6 – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 1450x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
158	Tủ tài liệu cao – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 980x400x2000 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
159	Ghế nhân viên – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 580x550x950 (mm). Ghế lưng lưới cao cấp, khung tựa bọc vải, đệm mút bọc PVC cao cấp màu thương hiệu, chân mạ xoay, có tay vịn.
160	Ghế khách hàng – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 555x555x910 (mm). Khung tựa bọc vải lưới, đệm mút bọc vải thoáng khí, chân mạ quỳ, có tay vịn, có chế độ ngả ra sau êm ái.
161	Ghế trưởng phòng – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
162	Rèm cửa – Phòng Hỗ trợ tín dụng	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
163	Bàn phó giám đốc tầng 3 chữ L – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 1800x900x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Laminate 0,7mm LK 4533 A, yếm bàn Laminate LK 705D, ngăn chia theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau).
164	Tủ phó giám đốc – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 900x400x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
165	Tủ phó giám đốc – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 2400x400x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước), kèm vách treo tranh (không bao gồm tranh).

166	Tủ trà – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 1200x600x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia ngăn theo thiết kế, cửa tủ mở 2 cánh, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
167	Led thanh trang trí màu vàng ấm, kèm mica và nẹp U tùy từng vị trí – Phòng Phó giám đốc	Led thanh trang trí màu vàng ấm, kèm mica và nẹp U tùy từng vị trí.
168	Nguồn Led 12V 100W – Phòng Phó giám đốc	Nguồn Led 12V 100W.
169	Sofa 3 chỗ - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 2260x800x700 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm, bọc phủ nỉ giả da cao cấp.
170	Sofa 1 chỗ - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 900x800x700 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm, bọc phủ nỉ giả da cao cấp.
171	Tủ bàn trà - Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 1200x600x450 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV. Mặt bàn đá Marble vân mây 15mm R100.
172	Vách gỗ - Phòng Phó giám đốc	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
173	Ghế phó giám đốc	Kích thước: 715x680x1230 (mm). Lưng đệm da màu da bò, chân xoay inox.
174	Ghế trình kí – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 950x685x980 (mm). Ghế the one hoặc tương đương, đệm mút dày bọc da, khung ghế bằng ống thép mạ cao cấp, bên dưới có các đệm nhựa, tay vịn liên khung bên trên ốp nhựa.
175	Giường – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 1880x2010x350 (mm). Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV (không bao gồm đệm, ga gối).
176	Tủ đầu giường – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 500x400x450 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài hoàn thiện Melamin 0,3mm MS611 EV, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, ray trượt).
177	Tủ quần áo – Phòng Phó giám đốc	Kích thước: 1950x600x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài hoàn thiện Melamin 0,3mm MS611 EV, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước), có led trang trí.

178	Rèm cửa – Phòng Phó giám đốc	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
179	Tủ – Phòng Truyền thống	Kích thước: 6600x400x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, hoàn thiện cửa kính cánh lùa, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
180	Tủ – Phòng Truyền thống	Kích thước: 6664x400x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, hoàn thiện cửa kính cánh lùa, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
181	Tủ truyền thống – Bảng thông tin mặt kính – Phòng Truyền thống	Kích thước: 1000x2700x436 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
182	Tủ truyền thống – Bảng thông tin mặt kính – Phòng Truyền thống	Kích thước: 1400x2700x436 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
183	Tủ truyền thống – Tủ mặt gỗ kính – Phòng Truyền thống	Kích thước: 1500x900x400 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
184	Tủ truyền thống – Tủ mặt gỗ kính – Phòng Truyền thống	Kích thước: 1300x2700x400 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
185	Tủ truyền thống – Tủ mặt gỗ kính – Phòng Truyền thống	Kích thước: 1328x2700x400 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ nicken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
186	Tủ trưng bày – Phòng Truyền thống	Kích thước: 1800x1800x1500 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia đợt theo thiết kế, R900 & R300.

187	Led thanh trang trí màu vàng ấm, kèm mica và nẹp U tùy từng vị trí – Phòng Truyền thống	Led thanh trang trí màu vàng ấm, kèm mica và nẹp U tùy từng vị trí.
188	Nguồn Led 12V 100W – Phòng Truyền thống	Nguồn Led 12V 100W.
189	Vách gỗ trực A – Phòng Truyền thống	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
190	Vách gỗ trực B – Phòng Truyền thống	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
191	Rèm cửa – Phòng Truyền thống	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
192	Chân tường - Phòng Truyền thống	H100. Len chân tường 12mm AC 611T.
193	Biển tên phòng – Phòng Khách lễ	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
194	Biển tên phòng – Phòng Sự kiện	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
195	Bàn nhân viên – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 1600x1500x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, yếm bàn Melamin trắng cắt CNC R600. Mặt bàn gỗ Melamin, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 900x350x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
196	Bàn trưởng phòng chữ L – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 1400x750x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 700x400x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
197	Tủ tài liệu T4 – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 1550x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).

198	Tủ tài liệu T5 – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 1525x300x900 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
199	Tủ tài liệu cao – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 980x400x2000 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
200	Bàn tiếp khách oval – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 2040x930x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chân trụ R100 và R250, trang trí inox vàng gương.
201	Bàn tiếp khách - TB06 – Phòng Bán lẻ	D500. Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm R250 sơn mờ màu đen, chân trụ tròn D350.
202	Sofa đơn – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 840x800x840 (mm). Lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D400, bọc phủ vải giả da cao cấp, chân thép sơn tĩnh điện
203	Ghế nhân viên – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 580x550x950 (mm). Ghế lưng lưới cao cấp, khung tựa bọc vải, đệm mút bọc PVC cao cấp màu thương hiệu, chân mạ xoay, có tay vịn.
204	Ghế khách hàng – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 555x555x910 (mm). Khung tựa bọc vải lưới, đệm mút bọc vải thoáng khí, chân mạ quỳ, có tay vịn, có chế độ ngả ra sau êm ái.
205	Ghế khách giao dịch – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 500x560x830 (mm). Mặt ghế nhựa polypropylene đúc nguyên khối có thể tái chế. Mặt ghế polypropylene có nệm phía trước, bọc vải, simili. Khung ghế sắt sơn tĩnh điện
206	Ghế trưởng phòng – Phòng Bán lẻ	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
207	Rèm cửa – Phòng Bán lẻ	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
208	Bàn nhân viên – Phòng Dự phòng 1	Kích thước: 1600x1500x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, yếm bàn Melamin trắng cắt CNC R600. Mặt bàn gỗ Melamin, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 900x350x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.

209	Bàn trưởng phòng chữ L – Phòng Dự phòng 1	Kích thước: 1400x750x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 700x400x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
210	Tủ tài liệu cao – Phòng Dự phòng 1	Kích thước: 980x400x2000 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
211	Ghế nhân viên – Phòng Dự phòng 1	Kích thước: 580x550x950 (mm). Ghế lưng lưới cao cấp, khung tựa bọc vải, đệm mút bọc PVC cao cấp màu thương hiệu, chân mạ xoay, có tay vịn.
212	Ghế khách hàng – Phòng Dự phòng 1	Kích thước: 555x555x910 (mm). Khung tựa bọc vải lưới, đệm mút bọc vải thoáng khí, chân mạ quỳ, có tay vịn, có chế độ ngả ra sau êm ái.
213	Ghế trưởng phòng – Phòng Dự phòng 1	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
214	Rèm cửa– Phòng Dự phòng 1	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
215	Hệ tủ bếp dưới - Phòng sự kiện	Kích thước: 5014x600x810 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, mặt bàn bếp ốp đá nhân tạo vân mây, cửa mở chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước) (không bao gồm bồn rửa + bếp).
216	Bồn rửa bát kèm vòi rửa inox đơn - Phòng sự kiện	Kích thước: 600x450 (mm). Inox304, lắp đặt hoàn thiện.
217	Hệ tủ bếp đứng - Phòng sự kiện	Kích thước: 1086x600x2700 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, cửa mở chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
218	Hệ tủ bếp trên treo tường Phòng sự kiện	Kích thước: 5014x350x1240 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).

219	Tường bếp - phòng sự kiện	Kích thước: 5014x6500 (mm). Ốp đá nhân tạo/kính sơn theo mã màu được duyệt.
220	Bàn ăn dài - Phòng sự kiện	Kích thước: 1200x700x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, chân bàn inox sơn tĩnh điện màu trắng.
221	Vách gỗ - Phòng sự kiện	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
222	Vách gỗ trực A/3-5 – Phòng sự kiện	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
223	Vách gỗ trực B/3-5 – Phòng sự kiện	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
224	Tấm Cách âm – Phòng sự kiện	Tấm khoáng sợi cách âm chống rung, bọc xốp/nhung theo thiết kế.
225	Bục sân khấu - Phòng sự kiện	Khung ván gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV.
226	Thảm trải sàn - Phòng sự kiện	Cung cấp, lắp đặt thảm cuộn 145cm, 100% Polyester, sử dụng keo chuyên dụng.
227	Nẹp kết thúc thảm sàn - Phòng sự kiện	Nẹp nhôm chống trơn L41x8 (mm), loại chuyên dụng cho thảm.
228	Ghế - Phòng sự kiện	Kích thước: 450x550x1020 (mm). Khung sắt sơn tĩnh điện, mặt ngồi và lưng ghế bọc nệm cao cấp, bao gồm áo trùm ghế theo thiết kế.
229	Rèm cửa - Phòng sự kiện	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
230	Bàn nhân viên – Phòng Dự phòng 3	Kích thước: 1600x1500x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, yếm bàn Melamin trắng cắt CNC R600. Mặt bàn gỗ Melamin, chia ngăn theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 900x350x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.

231	Bàn trưởng phòng chữ L – Phòng Dự phòng 3	Kích thước: 1400x750x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, ngăn kéo chia khay theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (ray âm mở toàn phần, nắp che, bas liên kết mặt trước, bas liên kết ray, bas liên kết mặt sau). Hộc tủ 700x400x500 (mm), chia ngăn theo thiết kế.
232	Tủ tài liệu T3 – Phòng Dự phòng 3	Kích thước: 1375x300x750 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101 T. Hộc 3 ngăn kéo, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
233	Ghế nhân viên – Phòng Dự phòng 3	Kích thước: 580x550x950 (mm). Ghế lưng lưới cao cấp, khung tựa bọc vải, đệm mút bọc PVC cao cấp màu thương hiệu, chân mạ xoay, có tay vịn.
234	Ghế khách hàng – Phòng Dự phòng 3	Kích thước: 555x555x910 (mm). Khung tựa bọc vải lưới, đệm mút bọc vải thoáng khí, chân mạ quý, có tay vịn, có chế độ ngả ra sau êm ái.
235	Ghế trưởng phòng – Phòng Dự phòng 3	Kích thước: 660x765x120-1300 (mm). Ghế chân nhôm mạ chrome bánh xe PU, thân plywood 12mm bọc mousse D35, PVC cao cấp, tay thép bọc PU khớp nối nhôm mạ chrome.
236	Rèm cửa – Phòng Dự phòng 3	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
237	Chân tường – Phòng Dự phòng 3	H100. Len chân tường 12mm AC 611T.
238	Biển tên phòng – Phòng Hội trường	Kích thước: 460x200 (mm). Mica 3 lớp. Lớp ngoài bằng Mica trong 3mm, lớp giữa bằng Decal dán ngược, lớp sau bằng Mica trắng 3mm, gắn tường.
239	Bàn đại biểu – Phòng Hội trường	Kích thước: 1800x400x750 (mm). Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV.
240	Bàn - Phòng hội trường	Kích thước: 1200x550x750 (mm). Chân sắt mặt gỗ công nghiệp Melamin, khung thép BHT02/sơn trắng tĩnh điện, thiết kế gấp mặt, có bánh xe.
241	Bục phát biểu - Phòng hội trường	Kích thước: 590x470x1120mm. Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, dựng khối theo thiết kế.
242	Vách gỗ trục 3/A-B– Phòng Hội trường	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.
243	Vách gỗ trục 5/A-B– Phòng Hội trường	Khung vách gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV, phối màu theo thiết kế.

244	Cột gỗ – Phòng Hội trường	Khung gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 101T, trang trí ron 10mm.
245	Bục sân khấu – Phòng Hội trường	Khung ván gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài phủ Melamin 0,3mm MS 611 EV.
246	Thảm trải sàn – Phòng Hội trường	Cung cấp, lắp đặt thảm cuộn 145cm, 100% Polyester, sử dụng keo chuyên dụng.
247	Nẹp kết thúc thảm sàn – Phòng Hội trường	Nẹp nhôm chống trơn L41x8 (mm), loại chuyên dụng cho thảm.
248	Ghế hội trường – Phòng Hội trường	Kích thước: 580x620x1120 (mm). Chân mạ quỳ, lưng tựa đệm bọc da cao cấp, tay mạ có bao da.
249	Ghế họp – Phòng Hội trường	Kích thước: 590x685x980 (mm). Chân mạ quỳ, lưng tựa đệm bọc da PVC, ốp tay nhựa.
250	Rèm cửa – Phòng Hội trường	Cung cấp, lắp đặt rèm sáo nhôm aluminium 25mm blinds STW001.
251	Tủ pantry – Phòng Hội trường	Kích thước: 2400x400x750 (mm). Khung tủ gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, hoàn thiện mặt ngoài Melamin vân gỗ, chia cánh, đợt tủ theo thiết kế, phụ kiện chất liệu thép mạ niken (bản lề giảm chấn, bas liên kết mặt trước).
252	Sofa đơn – Phòng Hội trường	Kích thước: 840x800x840 (mm). Lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm D400, bọc phủ vải giả da cao cấp, chân thép sơn tĩnh điện
253	Ghế Sofa – Phòng Hội trường	Kích thước: 3654x553x850 (mm). Sofa khung thép sơn tĩnh điện, lõi ghế lò xo phủ đệm mút mềm, bọc nỉ/giả da.
254	Bàn ăn tròn – Phòng Hội trường	D700. Khung bàn gỗ công nghiệp MDF chống ẩm 17mm, mặt ngoài sơn 2K màu trắng, chân trụ sắt sơn tĩnh điện D500.

***Ghi chú:**

- Qui cách, chủng loại các loại vật liệu, vật tư, thiết bị không có trong các bảng trên yêu cầu xem thiết kế;

- Hàng hóa, thiết bị, vật tư, vật liệu đưa vào thi công cho công trình phải mới 100%, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng; đối với các chủng loại hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2025 trở về sau.

-Tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị, hàng hóa dùng cho công trình phải đúng chủng loại như yêu cầu của thiết kế.

- Tất cả các vật tư, thiết bị đều phải được kiểm nghiệm đạt yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng.

- “Tương đương” theo yêu cầu với sản phẩm, hàng hóa nêu trong E-HSMT nghĩa là tương tự về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng với nội dung so sánh.

- Trường hợp trong thuyết minh, bản vẽ hoặc E-HSMT có nêu nhãn hiệu, Catalogue hoặc xuất xứ của một sản phẩm cụ thể là chỉ để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của vật tư/vật liệu hoặc thiết bị/hàng hóa. Nhà thầu phải lựa chọn vật tư/vật liệu hoặc thiết bị/hàng hóa tương đương với sản phẩm đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng.

- Catalogue kỹ thuật/Datasheet của các vật tư/vật liệu/thiết bị/hàng hóa theo yêu cầu mà Nhà thầu phải gửi kèm E-HSDT để chứng minh sản phẩm mà nhà thầu đề xuất đáp ứng hoàn toàn yêu cầu về kỹ thuật theo quy định của E-HSMT.

- Các thông số kỹ thuật nhà thầu đã chào trong E-HSDT phải được thể hiện trong Catalogue hoặc Datasheet. Catalogue hoặc Datasheet được coi là hợp lệ khi các thông tin, số liệu trong đó có thể tra cứu được trên website của nhà sản xuất hàng hóa hoặc phải có xác nhận của nhà sản xuất. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài (nếu có) phải kèm bản dịch sang tiếng Việt.)

1.4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

- Trình tự thi công xây lắp, lắp đặt phải được xây dựng dựa trên: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hiện trạng công trường và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, luật pháp hiện hành.

- Trình tự thi công xây lắp, lắp đặt phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

- + Tiến độ yêu cầu của gói thầu;
- + Chất lượng theo hồ sơ thiết kế;
- + Đảm bảo an toàn cho con người, tài sản thiết bị và các công trình liên kề;
- + Đảm bảo vệ sinh môi trường, PCCC ...

1.5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn

Các thiết bị, máy móc, kết cấu công trình được thi công, lắp đặt tại công trình phải được vận hành thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành, theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo các hệ thống được triển khai đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra về chất lượng cũng như đảm bảo sự vận hành bình thường của hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, VSMT, PCCC... theo quy định hiện hành.

1.6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường

Trong suốt quá trình thi công đến khi bàn giao công trình, nhà thầu cần tuân thủ mọi quy định của pháp luật về phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ và đảm bảo vệ sinh môi trường cho công trình và khu vực theo quy định.

1.7. Yêu cầu về an toàn lao động

Ngay khi bắt đầu tiến hành thi công, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản biện pháp an toàn lao động. Biện pháp này bao gồm cả huấn luyện an toàn cho toàn nhân viên, người chỉ huy việc thực hiện gói thầu này.

Nhà thầu phải có trách nhiệm báo cho Chủ đầu tư về các tai nạn xảy ra trong hoặc ngoài hiện trường mà nhà thầu có liên quan trực tiếp, dẫn đến thương

tật cho bất cứ người nào liên quan trực tiếp đến công trường hoặc bên thứ ba. Đầu tiên thông báo được thực hiện bằng lời, sau đó lập biên bản chi tiết trong vòng 24 giờ sau khi tai nạn xảy ra.

Nhà thầu phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ cần thiết để đảm bảo cho nhân viên hoặc bất cứ người nào khác trong hoặc ngoài công trường khỏi bị hiểm nguy do các phương pháp làm việc của Nhà thầu.

Trong biện pháp của mình, nhà thầu phải nêu rõ biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận, các hộ nằm xung quanh công trình trong suốt quá trình thi công xây dựng.

Nhà thầu luôn luôn cung cấp và duy trì tại các vị trí thuận tiện các dụng cụ cứu trợ y tế khẩn cấp đầy đủ và phù hợp, dễ lấy trong hoặc xung quanh công trường và đảm bảo luôn có đủ đội ngũ nhân viên được đào tạo đúng chuyên ngành để có mặt đúng lúc dù công trình được thi công ở bất cứ nơi nào.

Nhà thầu sẽ không được thanh toán riêng cho phần đảm bảo an toàn lao động mà sẽ được thanh toán trong mục tương tự trong giá dự thầu.

1.8. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công

Nhà thầu xây dựng biện pháp tổ chức thi công cho toàn công trình, bao gồm bản vẽ biện pháp tổ chức thi công và thuyết minh. Nhà thầu cần chỉ rõ công nghệ thi công, hướng thi công, phương án sử dụng thiết bị máy móc và nhân công sử dụng đối với biện pháp tổ chức thi công cho các hạng mục công trình. Bản vẽ biện pháp tổ chức mặt bằng và tổ chức thi công cho từng giai đoạn thi công chính đối với công trình phù hợp với giải pháp, công nghệ thi công, tiến độ huy động máy móc, nhân lực, tiến độ yêu cầu công trình. Biện pháp tổ chức thi công phải thể hiện rõ phương án khả thi nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng, ATLĐ, VSMT trong điều kiện thi công trong khu vực. Nhà thầu cần tự khảo sát kỹ hiện trạng công trình để đưa ra biện pháp tổ chức thi công hợp lý, khả thi.

1.9. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

Nhà thầu xây dựng sơ đồ hệ thống và quy trình kiểm tra, giám sát chất lượng tất cả công tác thi công, các công đoạn trong quá trình thi công. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của từng vị trí, sự phối hợp giữa các vị trí trong hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu. Nhân sự bố trí trong hệ thống phải có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc đảm nhận.

Trong quá trình thi công Nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật, thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng thi công. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của Nhà thầu phải được ghi chép vào sổ nhật ký công trình. Đối với các tài liệu cơ bản, tài liệu thí nghiệm, biên bản nghiệm thu v.v... Nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu giữ cả ở công trường lẫn văn phòng của Nhà thầu để cán bộ giám sát của Chủ đầu tư, Chủ nhiệm điều hành dự án, Chủ đầu tư và bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời gian nào.

1.10. Yêu cầu khác

Bảo lãnh dự thầu cho gói thầu này do Ngân hàng/Tổ chức tín dụng ngoài hệ thống của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam phát hành.

2. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
I	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI PHẦN XÂY LẮP (C)		
1	Thi công xây dựng các hạng mục công trình	12 tháng	
II	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI HÀNG HÓA (P)		
1	Toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu	12 tháng và không nhỏ hơn thời gian bảo hành của Nhà sản xuất	

E-HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

IV . Các bản vẽ

Mục này liệt kê các bản vẽ kèm theo E-HSMT^(*)

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1	DM	DANH MỤC	04/09/2025
2	KT - 00	MẶT BẰNG TỔNG THỂ	04/09/2025
3	KT - 01	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
4	KT - 02	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
5	KT - 03	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
6	KT - 04	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025

7	KT - 05	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
8	KT - 06	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
9	KT - 07	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
10	KT - 08	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
11	KT - 09	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
12	KT - 10	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
13	KT - 11	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
14	KT - 12	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
15	KT - 13	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
16	KT - 14	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
17	KT - 15	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
18	KT - 16	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
19	KT - 17	CHI TIẾT BOOTH ATM	04/09/2025
20	KT - 18	MẶT BẰNG TRẦN TẦNG 2	04/09/2025
21	KT - 19	MẶT BẰNG TRẦN PHÒNG GIÁM ĐỐC	04/09/2025
22	KT - 22	CHI TIẾT TRẦN PHÒNG GIÁM ĐỐC	04/09/2025
23	KT - 20	MẶT BẰNG CHIẾU SÁNG PHÒNG GIÁM ĐỐC	04/09/2025
24	KT - 21	MẶT BẰNG CÔNG TẮC SƠ ĐỒ ĐI DÂY	04/09/2025
25	KT - 22	MẶT BẰNG XÂY DỰNG TẦNG 1	04/09/2025
26	KT - 23	MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 1	04/09/2025
27	KT - 24	MẶT BẰNG XÂY DỰNG TẦNG 2	04/09/2025
28	KT - 25	MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 2	04/09/2025

29	KT - 26	MẶT BẰNG XÂY DỰNG TẦNG 3	04/09/2025
30	KT - 27	MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 3	04/09/2025
31	KT - 28	MẶT BẰNG XÂY DỰNG TẦNG 4	04/09/2025
32	KT - 29	MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 4	04/09/2025
33	KT - 30	MẶT BẰNG XÂY DỰNG TẦNG 5	04/09/2025
34	KT - 31	MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 5	04/09/2025
35	DM	DANH MỤC BẢN VẼ	04/09/2025
36	VL	VẬT LIỆU HOÀN THIỆN	04/09/2025
37	FUR - 01	BIÊN CHÍNH MẶT TIỀN	04/09/2025
38	FUR - 02	CHI TIẾT BIÊN CHÍNH MẶT TIỀN	04/09/2025
39	FUR - 03	CHI TIẾT XẾP LED BIÊN CHÍNH MẶT TIỀN	04/09/2025
40	FUR - 04	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỆN BIÊN CHÍNH MẶT TIỀN	04/09/2025
41	FUR - 05	LOGO 3D	04/09/2025
42	FUR - 06	CHI TIẾT XẾP LED LOGO 3D MẶT TIỀN	04/09/2025
43	FUR - 07	CHI TIẾT XẾP LED LOGO 3D MẶT HÔNG	04/09/2025
44	FUR - 08	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỆN LOGO 3D	04/09/2025
45	FUR - 09	CHI TIẾT CỔNG CHÀO 3D	04/09/2025
46	FUR - 10	CHI TIẾT CỔNG CHÀO 3D	04/09/2025
47	FUR - 11	CHI TIẾT CỔNG CHÀO 3D	04/09/2025
48	FUR - 12	CHI TIẾT CỔNG CHÀO 3D	04/09/2025
49	FUR - 13	HỘP ĐÈN TƯỜNG RÀO	04/09/2025
50	FUR - 14	VÁCH KÍNH KHUNG NHÔM	04/09/2025

		PHÒNG VIP VÀ PANTRY	
51	FUR - 14.0	VÁCH KÍNH KHUNG NHÔM PHÒNG VIP VÀ PANTRY	04/09/2025
52	FUR - 14.1	VÁCH KÍNH KHUNG NHÔM PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC STAANFG 1	04/09/2025
53	FUR - 15	VÁCH GỖ QUẦY KHO QUỸ	04/09/2025
54	FUR - 16	VÁCH GỖ QUẦY GIAO DỊCH	04/09/2025
55	FUR - 17	VÁCH GỖ NGĂN QUẦY GIAO DỊCH VÀ KHO QUỸ	04/09/2025
56	FUR - 18	VÁCH NAN GỖ KHU KHO QUỸ	04/09/2025
57	FUR - 19	VÁCH GỖ TRỤC A PHÒNG GIÁM ĐỐC	04/09/2025
58	FUR - 19.1	VÁCH GỖ PHÒNG GIÁM ĐỐC	04/09/2025
59	FUR - 20	VÁCH GỖ TRỤC MÁY CHIẾU PHÒNG HỌP NHỎ	04/09/2025
60	FUR - 21	VÁCH GỖ TRỤC 2 A-B PHÒNG HỌP NHỎ	04/09/2025
61	FUR - 21.1	VÁCH KÍNH PHÒNG HỌP	04/09/2025
62	FUR - 21.2	CHI TIẾT LOGO PHÒNG HỌP	04/09/2025
63	FUR - 22	VÁCH GỖ PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC	04/09/2025
64	FUR - 23	VÁCH GỖ TRỤC A PHÒNG TRUYỀN THỐNG	04/09/2025
65	FUR - 24	VÁCH GỖ TRỤC B PHÒNG TRUYỀN THỐNG	04/09/2025
66	FUR - 25	VÁCH GỖ PHÒNG SỰ KIỆN	04/09/2025
67	FUR - 26	VÁCH GỖ TRỤC A 3-5 PHÒNG SỰ KIỆN	04/09/2025
68	FUR - 27	VÁCH GỖ TRỤC B 3-5 PHÒNG SỰ KIỆN	04/09/2025

69	FUR - 28	VÁCH GỖ TRỤC 3 A-B PHÒNG HỘI TRƯỞNG	04/09/2025
70	FUR - 29	VÁCH GỖ TRỤC 5 A-B PHÒNG HỘI TRƯỞNG	04/09/2025
71	FUR - 30	BỤC SÂN KHẤU PHÒNG HỘI TRƯỞNG	04/09/2025
72	FUR - 31	CỘT GỖ PHÒNG HỘI TRƯỞNG	04/09/2025
73	FUR - 32	CỘT GỖ PHÒNG HỘI TRƯỞNG	04/09/2025
74	FUR - 33	ÓP CỘT TẦNG 1	04/09/2025
75	FUR - 34	BACKDROP SẢNH GIAO DỊCH	04/09/2025
76	FUR - 34.1	CHI TIẾT BACKDROP	04/09/2025
77	FUR - 34.2	LOGO BACKDROP	04/09/2025
78	FUR - 35	RUY BĂNG CỬA KÍNH RA VÀO	04/09/2025
79	FUR - 36	DECAL LƯỚI DÁN KÍNH	04/09/2025
80	FUR - 37	DECAL DÁN ISO BÀN QUẦY	04/09/2025
81	FUR - 38	BÀN GIAO DỊCH VIÊN B1	04/09/2025
82	FUR - 39	BÀN TƯ VẤN T03	04/09/2025
83	FUR - 40	BÀN ĐẾM TIỀN	04/09/2025
84	FUR - 41	BÀN GIAO DỊCH VIÊN TB01	04/09/2025
85	FUR - 42	BÀN GIAO DỊCH VIÊN TB1.1	04/09/2025
86	FUR - 43	TỦ QUẦY GIAO DỊCH CA01A	04/09/2025
87	FUR - 44	TỦ CA04	04/09/2025
88	FUR - 45	TỦ RÁC CA02	04/09/2025
89	FUR - 46	TỦ BÓN CÂY CA08	04/09/2025
90	FUR - 47	BÀN KIỂM SOÁT VIÊN- TB02	04/09/2025

91	FUR - 48	VÁCH NGĂN BÀN TƯ VẤN PN01	04/09/2025
92	FUR - 49	QUẦY LỄ TÂN	04/09/2025
93	FUR - 50	BÀN VĂN THƯ	04/09/2025
94	FUR - 51	TỦ TRUNG BÀY QUẦY TẶNG CA07	04/09/2025
95	FUR - 52	BÀN TƯỞNG TÁC- TB05	04/09/2025
96	FUR - 53	GHẾ CHỜ WB01	04/09/2025
97	FUR - 54	KỆ NHỎ SH01	04/09/2025
98	FUR - 55	BACKDROP PHÒNG KHUẤT	04/09/2025
99	FUR - 56	BÀN TIẾP KHÁCH- TB06	04/09/2025
100	FUR - 57	BÀN TIẾP KHÁCH- TB07	04/09/2025
101	FUR - 58	KỆ TRUNG BÀY	04/09/2025
102	FUR - 59	TỦ LOCKER LO01 TỦ BẾP PA01	04/09/2025
103	FUR - 60	TỦ LOCKER LO01 TỦ BẾP PA01	04/09/2025
104	FUR - 61	TỦ LOCKER LO01	04/09/2025
105	FUR - 62	BÀN PHÓ GIÁM ĐỐC T1	04/09/2025
106	FUR - 63	TỦ PHÓ GIÁM ĐỐC TẦNG 1	04/09/2025
107	FUR - 64	TỦ BÀN TRÀ	04/09/2025
108	FUR - 65	BÀN TRƯỞNG PHÒNG	04/09/2025
109	FUR - 66	BÀN NHÂN VIÊN	04/09/2025
110	FUR - 67	BÀN TIẾP KHÁCH OVAL	04/09/2025
111	FUR - 68	BÀN GIÁM ĐỐC	04/09/2025
112	FUR - 69	GIƯỜNG + TỦ QUẦN ÁO TỦ ĐẦU GIƯỜNG	04/09/2025
113	FUR - 70	BÀN HỌP ĐẦU HỒI BÀN HỌP DÀI	04/09/2025

114	FUR - 71	TỦ TÀI LIỆU CAO	04/09/2025
115	FUR - 72	TỦ TÀI LIỆU CAO TỦ TÀI LIỆU T6	04/09/2025
116	FUR - 73	TỦ TÀI LIỆU T3	04/09/2025
117	FUR - 74	TỦ TÀI LIỆU T4 TỦ TÀI LIỆU T5	04/09/2025
118	FUR - 75	TỦ PHÓ GIÁM ĐỐC + TỦ TRÀ	04/09/2025
119	FUR - 76	BÀN PHÓ GIÁM ĐỐC TẦNG 3	04/09/2025
120	FUR - 77	TỦ PHÒNG TRUYỀN THÔNG	04/09/2025
121	FUR - 78	TỦ PHÒNG TRUYỀN THÔNG	04/09/2025
122	FUR - 79	TỦ TRUNG BÀY	04/09/2025
123	FUR - 80	TỦ BẾP PHÒNG SỰ KIỆN	04/09/2025
124	FUR - 81	BÀN ĐẠI BIỂU	04/09/2025
125	FUR - 82	TỦ PANTRY	04/09/2025
126	FUR - 83	GHẾ SOFA	04/09/2025
127	FUR - 84	BIÊN PHÁP LÝ	04/09/2025
128	FUR - 85	BIÊN GIỜ GIAO DỊCH	04/09/2025
129	FUR - 86	BIÊN PHÂN KHU THẢ TRẦN	04/09/2025
130	FUR - 87	BIÊN TÊN PHÒNG	04/09/2025
131	FUR - 88	BIÊN MECA PHI QUẢNG CÁO	04/09/2025
132	FUR - 89	LOGO GẮN TỦ QUẦY	04/09/2025
133	FUR - 90	LOGO 3D	04/09/2025
134	FUR - 91	VÁCH THẠCH CAO PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC - TẦNG 1	04/09/2025
135	FUR - 92	VÁCH THẠCH CAO PHÒNG VIP VÀ PANTRY	04/09/2025
136	FUR - 93	TỦ TRANG TRÍ SAU BÀN GIÁM	04/09/2025

		ĐỐC	
137	FUR - 94	TỦ TRÀ BÀN GIÁM ĐỐC	04/09/2025